

Hoàng Việt Thịnh
Hoạt động bảo tàng:
“Đưa bảo tàng đến với công chúng” -
cách làm của Lạng Sơn.....**45**

Đạm Thu Hằng
Giáo dục toàn diện -
một xu hướng phát triển
của bảo tàng ở Việt Nam.....**47**

Anne Carine Schmidt - Bùi Kim Đĩnh
Chú thích
trong trưng bày bảo tàng.....**53**

DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

Trần Lâm - Nguyễn Thúc
Tục thờ Mẫu
trên dòng chảy tín ngưỡng Việt.....**57**

Nguyễn Bích Thục
Vài suy nghĩ mới về
di sản văn hóa phi vật thể
trên vùng đất Hàm Rồng xưa.....**63**

Trần Việt Anh
Xứ Thanh trên dòng chảy lịch sử.....**67**

Nguyễn Thị Thanh
Tín ngưỡng thờ cúng một số thần linh
của thị dân Thăng Long - Hà Nội
(qua tài liệu văn bia).....**70**

Nguyễn Thanh Điệp
Lễ hội cầu ngư - nét đẹp văn hóa
của ngư dân Khánh Hòa.....**75**

Dương Tuấn Nghĩa
Nghĩ lễ tang ma của người Hà Nội
ở Lào Cai.....**77**

DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ

Nguyễn Mạnh Cường
Khu chạm khắc đá cổ Sa Pa -
một di sản văn hóa.....**80**

Dương Thị Ngọc Minh
Đi tìm những dấu ấn của thần Vishnu trong
tôn giáo Hindu của người Chăm.....**85**

Bùi Thế Quân
Qua mấy ngôi đình làng ven sông Đuống,
trên đất Long Biên.....**91**

Lê Quốc Khánh
Và nét vẽ đình làng ở Hòa Bình.....**97**

Đạm Quốc Quân
Về đề tài “làm tinh” trên gốm sứ cổ.....**99**

DI SẢN VĂN HÓA NƯỚC NGOÀI

Đạm Khánh Trang
Nghĩ lễ Mibu no Hana Taue và
vai trò của cộng đồng trong việc
bảo tồn di sản văn hóa.....**103**

Vân Ngọc
Batik - từ một nghề thủ công truyền thống
đến biểu tượng văn hóa quốc gia và
di sản văn hóa phi vật thể
đại diện của nhân loại.....**106**

Bìa 1: Tượng Tara - Bảo tàng Điều khắc Chăm Đà Nẵng, Bảo vật quốc gia - Ảnh: Võ Văn Thắng

In 2.000 cuốn, tại Trung tâm Chế bản và In, thuộc NXB. Thế Giới
Khổ 19 x 27 cm. Giấy phép xuất bản số: 150/ GP - BVHTT
của Bộ Văn hóa - Thông tin

Tòa soạn - Trại sự:

51 - 53, Ngô Quyền - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: (8.44). 39.43 55 90 - Fax: (8.44). 39.43 99 29 - Email: tapchi@dsvh.gov.vn
Website: www.dsvh.gov.vn

TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 23/NQ-TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TRÊN LĨNH VỰC BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA*

NGUYỄN HỮU TOÀN**

1. Nghị quyết 23 và vấn đề bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa

Trong quá trình triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (Khóa VIII) của Đảng về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, sự ra đời Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Chính trị "về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới" (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 23) có ý nghĩa đặc biệt đối với sự phát triển của một lĩnh vực/thành tố quan trọng của nền văn hóa Việt Nam - lĩnh vực văn học, nghệ thuật, trong bối cảnh đất nước bước sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Nghị quyết 23 đề cập nhiều vấn đề liên quan đến quan điểm của Đảng về phát triển văn học, nghệ thuật. Tiếp cận từ lĩnh vực hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, có thể nhận thấy một số nội dung của Nghị quyết trực tiếp liên quan đến quan điểm chỉ đạo của Đảng ta, nhằm đẩy mạnh các hoạt động của lĩnh vực này, nhằm góp phần vào sự phát triển văn học, nghệ thuật ở nước ta, cụ thể:

- Về những thành tựu..., Nghị quyết khẳng định: "...Công tác sưu tầm, bảo tồn, phát huy di sản văn học, nghệ thuật của các dân tộc đạt được những kết quả thiết thực... Phong trào văn nghệ quần chúng phát triển; nhiều câu lạc bộ văn học, nghệ thuật ra đời, góp phần cổ vũ, động viên quần chúng sáng tạo, khai thác, truyền bá các giá trị nghệ thuật cổ truyền và thưởng thức văn học, nghệ thuật, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân ở cơ sở..."

** Phó Cục trưởng Cục Di sản văn hoá

- Về những yếu kém, khuyết điểm, Nghị quyết chỉ rõ: "...Thiếu định hướng và tiêu chí cụ thể cho việc chọn lọc, kế thừa và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống cũng như chọn lọc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại trong thời gian qua còn nhiều bất cập, có lúc không rõ tiêu chí, thiếu định hướng. Chưa xây dựng được những công trình trung tâm lớn cho hoạt động văn hoá, nghệ thuật, tương xứng với vị thế của đất nước thời kỳ mới..."

- Từ đánh giá thực trạng đó, Nghị quyết đã nêu quan điểm chỉ đạo của Đảng là: "...Trên cơ sở giữ gìn, phát triển, phát huy những giá trị của văn học, nghệ thuật dân tộc, tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế, tiếp thu có chọn lọc các giá trị nhân văn, khoa học, tiến bộ của nước ngoài, đồng thời kiên quyết ngăn chặn, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn áp đặt, xâm lăng văn hóa của các thế lực thù địch..."

- Theo đó, là chủ trương và các giải pháp thực hiện:

+ "... Xây dựng và thực hiện có hiệu quả kế hoạch xã hội hoá các hoạt động văn học, nghệ thuật, làm rõ các lĩnh vực cần xã hội hoá, lĩnh vực Nhà nước và nhân dân cùng làm, lĩnh vực Nhà nước phải đầu tư bảo tồn, xây dựng và phát triển... Xây dựng đề án và cơ chế bảo tồn, truyền bá các loại hình văn học, nghệ thuật cổ truyền; có chính sách đặc biệt hỗ trợ sự phát triển của ngôn ngữ, chữ viết và văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số..."

+ "...Xây dựng và thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài, ưu đãi văn nghệ sĩ có quá trình cống hiến, có nhiều tác phẩm tốt, ảnh hưởng tích cực trong xã hội..."

+ "...Tăng cường các biện pháp xây dựng, phát triển văn nghệ quần chúng, hướng dẫn, khuyến khích quần chúng tham gia sáng tạo, bảo tồn,

truyền dạy và phát huy các giá trị văn hoá, văn nghệ truyền thống của dân tộc...”

Sau 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa đã đạt được nhiều thành tựu, tích cực góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển kinh tế - xã hội.

2. Một số kết quả tích cực

2.1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

Trong những năm qua, đặc biệt từ năm 2009 đến nay, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa đã được tập trung xây dựng, ban hành, tạo ra hành lang pháp lý ngày càng thuận lợi hơn cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung, di sản văn học, nghệ thuật nói riêng. Từ năm 2009 đến nay, có 1 Luật sửa đổi, 2 Nghị định và 8 Thông tư về lĩnh vực này được cơ quan có thẩm quyền ban hành, trong đó có *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa, Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa, Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/6/2010 quy định việc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hoá phi vật*

thể để đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia... Đối tượng, phạm vi, nội dung điều chỉnh của các văn bản này có nhiều điểm mới, nhất là những điều chỉnh nhằm thực hiện việc kiểm kê kho tàng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, tôn vinh những người có tài và có công bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, bảo vệ và phát triển tiếng nói, chữ viết của các dân tộc,... đã thực sự tạo ra cơ hội và điều kiện để những quan điểm, định hướng và giải pháp của Đảng về vấn đề bảo tồn di sản văn hóa dân tộc nhằm phát triển văn học, nghệ thuật theo tinh thần Nghị quyết 23 được triển khai có hiệu quả trong thực tiễn đời sống.

2.2. Tôn vinh những di sản văn hóa về văn học, nghệ thuật

- Về di sản văn hóa phi vật thể:

Từ năm 2008 đến nay, nhiều di sản văn hóa phi vật thể thuộc loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian của Việt Nam đã được quan tâm nghiên cứu, lập hồ sơ đề nghị và đã được UNESCO vinh danh, như: Dân ca Quan họ Bắc Ninh - Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (2009); Hát Ca trù - Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp (2009); Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc (Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại - 2010); Hát Xoan Phú Thọ - Di sản văn hóa phi vật



Dấu tích: Hầm Chỉ huy Tập đoàn Cứu chiến Điện Biên Phủ (7/5/1954) - Ảnh: Thế Hùng

thể cần được bảo vệ khẩn cấp (2011); Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ - Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (2012).

Việc kiểm kê và lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể đã được tiến hành ở nhiều địa phương trên cả nước; nhiều di sản văn hóa phi vật thể thuộc loại hình ngữ văn dân gian và nghệ thuật trình diễn dân gian đã được lập hồ sơ khoa học. Trên cơ sở đó, tháng 12 - 2012, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã quyết định đưa 33 di sản văn hóa phi vật thể và Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (đợt 1).

- Về di sản văn hoá vật thể:

Ngày 27/9/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1419/QĐ-TTg xếp hạng Di tích lịch sử Khu lưu niệm Nguyễn Du, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh là di tích quốc gia đặc biệt. Ngày 01/10/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1426/QĐ-TTg công nhận 30 hiện vật và nhóm hiện vật là bảo vật quốc gia, trong đó có những tác phẩm điêu khắc nghệ thuật là cổ vật nổi tiếng (Trống đồng Ngọc Lũ, Trống đồng Hoàng Hạ, Thạp đồng Đào Thịnh...), đặc biệt là có tác phẩm "Ngọc trung nhật ký" (Nhật ký trong tù) bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Từ năm 2008 đến nay, thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã hỗ trợ kinh phí cho tu bổ, tôn tạo nhiều di tích nhằm tôn vinh các tác gia văn học, nghệ thuật lớn của nền văn học Việt Nam: khu di tích Nguyễn Du (tỉnh Hà Tĩnh) với tổng kinh phí là 4 tỷ đồng (năm 2011, 2012), dự kiến năm 2013 đầu tư 3 tỷ đồng; mộ và khu tưởng niệm Nguyễn Đình Chiểu (tỉnh Bến Tre) là 1 tỷ đồng năm 2012; đền thờ Nguyễn Bình Khiêm (thành phố Hải Phòng) là 3 tỷ đồng năm 2012, dự kiến năm 2013 đầu tư 2 tỷ đồng; đền thờ Lê Văn Hưu (tỉnh Thanh Hóa) là 200 triệu đồng năm 2009; khu lưu niệm Phan Bội Châu (tỉnh Thừa Thiên Huế) là 400 triệu đồng năm 2009, năm 2010 là 400 triệu đồng; khu lưu niệm Phan Chu Trinh (tỉnh Quảng Nam) đầu tư 300 triệu đồng năm 2008, năm 2010 là 200 triệu đồng, năm 2011 là 400 triệu đồng, năm 2012 là 800 triệu đồng; mộ Phan Chu Trinh (thành phố Hồ Chí Minh) là 300 triệu đồng năm 2011, năm 2012 là 1 tỷ đồng... Các di tích sau khi được tu bổ, tôn tạo đã trở thành những sản phẩm văn hoá - du lịch đặc thù, góp phần hình thành những điểm, tuyến du lịch hấp dẫn, đồng thời là nơi giáo dục truyền thống yêu nước, bản sắc

văn hóa dân tộc cho các thế hệ trẻ.

2.3. Về hoạt động bảo tàng

Hệ thống bảo tàng Việt Nam (bao gồm 136 bảo tàng, trong đó có 16 bảo tàng ngoài công lập) ngày càng hoàn thiện và hoạt động có hiệu quả. Nhiều bảo tàng đã chú trọng vào hoạt động sưu tầm, lưu giữ, trưng bày và giới thiệu những tác phẩm văn học nghệ thuật và sưu tập hiện vật có giá trị liên quan đến cuộc đời, sự nghiệp của các tác gia văn học, nghệ thuật trong lịch sử và hiện tại. Đặc biệt, một số bảo tàng chuyên ngành, bảo tàng chuyên đề về văn học, nghệ thuật đã được thành lập, hoạt động ngày một hiệu quả, đã không chỉ bổ sung vào hệ thống bảo tàng Việt Nam những khuôn diện mới, mà còn trực tiếp tham gia giữ gìn, quảng bá di sản văn học, nghệ thuật Việt Nam, thúc đẩy sự phát triển văn học, nghệ thuật Việt Nam (Bảo tàng Văn học Việt Nam thuộc Hội Nhà văn Việt Nam và các bảo tàng ngoài công như: Bảo tàng Mỹ thuật họa sĩ Tốt và gia đình, Bảo tàng Mỹ thuật họa sĩ Phan Thị Ngọc Mỹ, Bảo tàng không gian văn hóa Mường, Bảo tàng Văn hóa Việt,...).

2.4. Về xã hội hóa hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị văn học, nghệ thuật

Công tác xã hội hoá được đẩy mạnh, ngày càng thu hút nhiều tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá. Nhiều trung tâm/câu lạc bộ Công chiêng, Ca trù, Quan họ, Hát Xoan, Đờn ca tài tử đã được phục hồi; hàng trăm câu lạc bộ mới ra đời, hoạt động dưới hình thức các trung tâm nghiên cứu và cơ sở diễn xướng dân gian theo đội, nhóm hoặc gia đình. Một số câu lạc bộ đã hoạt động có uy tín, được các tổ chức nước ngoài mời tham gia liên hoan di sản văn hóa phi vật thể quốc tế... Đây chính là những cơ hội tốt cho các chủ thể văn hóa được giao lưu, học hỏi và tự giới thiệu với thế giới về di sản văn hóa của mình.

3. Một số hạn chế

Có thể nói, trong từng lĩnh vực cụ thể của hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn học, nghệ thuật, bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, vẫn còn tồn tại những hạn chế, yếu kém:

3.1. Việc xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa tuy đã rất khẩn trương, tích cực, nhưng vẫn chưa đáp ứng kịp thời đòi hỏi của thực tiễn, nhất là những văn bản điều chỉnh chính sách tôn vinh và ưu đãi những người có công, có tài trong hoạt động sáng tạo, gìn giữ, trao truyền di sản văn học, nghệ thuật (thuộc lĩnh

vực di sản văn hóa phi vật thể). Đến nay, những quy định cụ thể của Chính phủ về xét tặng các danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú vẫn chưa được ban hành; theo đó, các văn bản do các Bộ, ngành có liên quan đến việc xây dựng chính sách đãi ngộ cho các đối tượng này cũng chưa có cơ sở để triển khai. Điều đó khiến các chủ trương, giải pháp về "...Xây dựng và thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài, ưu đãi văn nghệ sĩ có quá trình cống hiến, có nhiều tác phẩm tốt, ảnh hưởng tích cực trong xã hội..." và "Xây dựng đề án và cơ chế bảo tồn, truyền bá các loại hình văn học, nghệ thuật cổ truyền; có chính sách đặc biệt hỗ trợ sự phát triển của ngôn ngữ, chữ viết và văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số..." - như tinh thần của Nghị quyết 23, chậm được hiện thực hóa trong thực tiễn đời sống.

3.2. Công tác sưu tầm, gìn giữ và trưng bày giới thiệu các di sản văn học, nghệ thuật, do còn gặp nhiều khó khăn, nên hiệu quả đạt được còn thấp. Bảo tàng Văn học Việt Nam, sau hơn 10 năm xây dựng và trưng bày, đến nay vẫn chưa thực sự hoàn thiện, hiện vật trưng bày còn nghèo; một số bảo tàng ngoài công lập về văn học, nghệ thuật còn ít nhận được sự quan tâm hướng dẫn nghiệp vụ, hỗ trợ việc tổ chức hoạt động của các địa phương và cơ quan chuyên môn chuyên ngành... Vì thế, các bảo tàng và sưu tập về văn học, nghệ thuật chưa phát huy được hiệu quả của mình trong việc phục vụ các hoạt động sáng tạo mới (cung cấp thông tin, tư liệu, kinh nghiệm, gợi xúc cảm...), vừa quảng bá giá trị di sản văn học, nghệ thuật của đất nước với công chúng ở trong và ngoài nước.

3.3. Nguồn vốn đầu tư cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn học, nghệ thuật còn thấp, chưa ổn định và kịp thời. Điều đó không chỉ khiến cho chất lượng và hiệu quả của lĩnh vực hoạt động này ở các tổ chức công lập còn chưa cao (Bảo tàng Văn học Việt Nam là một ví dụ), mà còn chưa tạo cơ hội/ "những cú hích" cho việc đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực công tác này. Cũng do đó, việc triển khai chủ trương và giải pháp về "... Xây dựng và thực hiện có hiệu quả kế hoạch xã hội hóa các hoạt động văn học, nghệ thuật, làm rõ các lĩnh vực cần xã hội hóa, lĩnh vực Nhà nước và nhân dân cùng làm, lĩnh vực Nhà nước phải đầu tư bảo tồn, xây dựng và phát triển..." và "... Tăng cường các biện pháp xây dựng, phát triển văn nghệ quần chúng, hướng dẫn, khuyến khích quần chúng

tham gia sáng tạo, bảo tồn, truyền dạy và phát huy các giá trị văn hoá, văn nghệ truyền thống của dân tộc...", theo tinh thần Nghị quyết 23, còn chưa đạt được kết quả mong đợi.

4. Một số đề xuất, khuyến nghị

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 23-NQ/TW, đưa Nghị quyết 23 vào thực tiễn đời sống, từ những trình bày trên đây, chúng tôi có một số đề xuất, khuyến nghị sau đây:

1. Cần tăng cường hơn nữa công tác xây dựng, phổ biến pháp luật nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa.

2. Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, trong đó tập trung đầu tư cho công tác sưu tầm, gìn giữ những tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị, tu bổ và tôn tạo di tích lưu niệm các tác gia văn học, nghệ thuật trong lịch sử và các tác giả đã được nhà nước vinh danh qua các giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước trong những năm qua.

3. Củng cố, hoàn thiện hệ thống thiết chế ngành di sản văn hóa, đồng thời tập trung đầu tư xây dựng nguồn lực con người đảm bảo sự phát triển đồng bộ của ngành. Quan tâm tới việc xây dựng cơ chế chính sách phù hợp, khuyến khích quần chúng tham gia vào hoạt động sáng tạo, bảo vệ và phát huy di sản văn học, nghệ thuật.

Trong thời gian tới, Nhà nước cần tập trung đầu tư, đồng thời Hội Nhà văn Việt Nam cần tập trung hoàn thành việc xây dựng, trưng bày, tổ chức hoạt động có hiệu quả Bảo tàng Văn học Việt Nam, đưa Bảo tàng trở thành mái nhà chung của các nhà văn, của mọi người yêu mến văn chương, thành điểm đến hấp dẫn đối với thế hệ trẻ nói riêng, công chúng ở trong và ngoài nước nói chung.

4. Xây dựng đề án bảo tồn, lưu giữ và phát huy giá trị các loại hình văn học, nghệ thuật, đồng thời, đẩy mạnh hoạt động hợp tác, giao lưu văn hóa, đưa di sản văn học, nghệ thuật tiêu biểu của Việt Nam ra nước ngoài nhằm quảng bá hình ảnh, đất nước và con người Việt Nam, góp phần nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế./.

N.H.T

Chú thích:

* Trong bài viết có sử dụng một số thông tin trong báo cáo công tác của Cục Di sản văn hóa về vấn đề này và tư liệu của đồng nghiệp - Xin được phép và chân thành cảm ơn.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA TRONG THỜI GIAN TỚI

PGS. TS. NGUYỄN QUỐC HÙNG*

Kể từ khi thành lập đến nay, Đảng và Nhà nước ta luôn chú trọng đến công tác hợp tác quốc tế nói chung, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa nói riêng. Các nghị quyết của Đảng đã khẳng định đường lối đối ngoại của nước ta là độc lập tự chủ, mở rộng, đa phương hóa, đa dạng hóa. Hơn hai thập niên gần đây, trên cơ sở đường lối đó, trong lĩnh vực di sản văn hóa, chúng ta đã đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm tranh thủ các nguồn lực quốc tế cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa nước nhà. Thông qua hội nhập sâu rộng vào các hoạt động quốc tế trong phạm vi chuyên ngành như: phê chuẩn các Công ước của UNESCO về bảo vệ và phát huy giá trị di sản; tham gia vào các tổ chức quốc tế về bảo vệ văn hóa và di sản; tích cực tham gia các diễn đàn quốc tế về bảo vệ di sản văn hóa; biên soạn các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với quy ước quy chuẩn quốc tế; để cử các di sản của Việt Nam vào các Danh mục di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, Danh sách di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của nhân loại, Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần phải bảo vệ khẩn cấp của UNESCO. Hợp tác với các tổ chức của UNESCO và các nước thành viên UNESCO trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản của đất nước. Các hoạt động quốc tế đã góp phần khẳng định vị thế di sản văn hóa của đất nước, giới thiệu cho bạn bè trên thế giới biết về sự phong phú, đa dạng, nổi bật của di sản văn hóa và thiên nhiên của đất nước Việt Nam.

Sau khi đất nước hoàn toàn thống nhất năm 1975, hàng loạt nước trên thế giới đã đặt quan hệ

ngoại giao chính thức với nước ta, Việt Nam lần lượt gia nhập các tổ chức quốc tế và đảm trách một số cương vị trong các tổ chức đó, như Ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an liên hiệp quốc, Ủy viên Ban chấp hành UNESCO, Tổng thư ký ASEAN. Để hòa nhập, có tiếng nói tích cực vào các hoạt động quốc tế, Chính phủ ta đã phê chuẩn một số Công ước quốc tế, trong đó có việc phê chuẩn các Công ước về bảo vệ di sản văn hóa của UNESCO, cụ thể là: năm 1987 phê chuẩn Công ước bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới 1972 (Convention concerning the Protection of the World Cultural and Natural Heritage); năm 2005 phê chuẩn Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể (Convention for the Safeguarding of the Intangible Cultural Heritage) năm 2003, Công ước về các biện pháp ngăn cấm nhập khẩu, xuất khẩu và chuyển giao quyền sở hữu trái phép tài sản văn hóa (Convention on the Means of Prohibiting and Preventing the Illicit Import, Export and Transfer of Ownership of Cultural Property); năm 2007 phê chuẩn Công ước về bảo vệ và phát triển sự đa dạng của biểu đạt văn hóa (Convention on the Protection and Promotion of the Diversity of Cultural Expressions) năm 2005.

Việc nước ta phê chuẩn các Công ước quốc tế về bảo vệ di sản văn hóa nêu trên, đã tạo điều kiện để chúng ta trở thành thành viên của các Công ước và hội nhập sâu rộng hơn vào các hoạt động quốc tế, có nhiều cơ hội hơn trong việc bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên của đất nước.

Song song với việc phê chuẩn các Công ước quốc tế, chúng ta đã và đang tích cực tham gia vào các tổ chức quốc tế bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên. Đây là một hoạt động rất cần thiết để

* Phó Cục trưởng Cục Di sản văn hoá

khẳng định vai trò vị thế của đất nước trong các hoạt động quốc tế về di sản văn hóa và thiên nhiên, tranh thủ sự hỗ trợ về tinh thần và vật chất của các tổ chức quốc tế lớn, với sự tham gia của hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Cụ thể là, ở trong nước, chúng ta đã thành lập Ủy ban Quốc gia UNESCO trực thuộc Chính phủ, thành lập tổ chức Hội đồng Bảo tàng (ICOM) Việt Nam. Ở nước ngoài, chúng ta đã tích cực vận động tham gia vào Ban Chấp hành UNESCO, cử Đoàn Ngoại giao Việt Nam bên cạnh UNESCO, tham gia các tổ chức của UNESCO, như Trung tâm quốc tế Nghiên cứu về bảo vệ và trùng tu tài sản văn hóa (ICCROM), là thành viên tích cực tham gia các kỳ họp của Ủy ban Di sản thế giới của Công ước 1972, Ủy ban Liên chính phủ về di sản văn hóa phi vật thể của Công ước 2003, Ủy ban Liên chính phủ của các Công ước 1970, 2005...

Chúng ta đã có nhiều đóng góp cho các hoạt động của các tổ chức quốc tế thông qua việc góp ý vào các văn kiện của các hội nghị, phát biểu tại hội trường. Đáng cai tổ chức một số hoạt động hưởng ứng các nghị quyết của các tổ chức quốc tế. Gần đây nhất, vào năm 2012, nhân dịp kỷ niệm 40 Công ước bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới (1972 - 2012), Việt Nam đã đứng ra tổ chức Hội nghị quốc tế Ủy ban Quốc gia UNESCO các nước châu Á - Thái Bình Dương trong ba ngày, từ ngày 15 - 17/6/2012 tại thành phố Thanh Hóa, nhân dịp sự kiện thành nhà Hồ đón bằng di sản thế giới của UNESCO, với sự tham gia của Trợ lý Tổng Giám đốc UNESCO. Tiếp đó, ngày 11 - 9, tại Ninh Bình, chúng ta lại tổ chức Hội thảo "Công ước 1972 và phát triển bền vững: gắn kết chương trình con người và sinh quyển". Hội thảo đã quy tụ được các chuyên gia trong khu vực ASEAN về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên.

Việt Nam đã và đang góp mặt ngày càng nhiều hơn trên các diễn đàn quốc tế - đã cử các cán bộ, chuyên gia tùy theo từng cấp độ, lĩnh vực chuyên môn của hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên tham dự các cuộc hội nghị, hội thảo, tập huấn về bảo vệ di sản trong khu vực ASEAN và quốc tế. Hàng năm, riêng ngành di sản văn hóa và thiên nhiên cử không dưới vài chục đoàn ra nước ngoài tham, dự các diễn đàn này. Song song với việc ra nước ngoài, chúng ta còn đăng cai một số cuộc hội nghị, hội thảo, tập huấn, dưới nhiều hình thức để phổ biến

các vấn đề về chuyên môn thuộc các lĩnh vực của ngành. Từ các cuộc hội nghị, hội thảo, tập huấn các vấn đề về di sản văn hóa và thiên nhiên (di tích, bảo tàng, di vật, cổ vật), di sản văn hóa phi vật thể... được trao đổi thảo luận, các kinh nghiệm hay của các nước được chia sẻ, tạo điều kiện nâng cao nhận thức và kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ lên tầm khu vực và quốc tế.

Một trong những hoạt động hợp tác quốc tế quan trọng thời gian qua là việc đề cử các di sản văn hóa và thiên nhiên của Việt Nam vào các danh hiệu quốc tế và khu vực theo tiêu chí của các Công ước quốc tế mà Việt Nam đã phê chuẩn, tham gia. Đây là một công việc khá thú vị, hấp dẫn, nhưng cũng không ít khó khăn, vất vả và hồi hộp. Hòa nhịp cùng thế giới và khu vực, chúng ta đã đề cử thành công 7 di sản văn hóa và thiên nhiên vào Danh mục di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, 5 di sản vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, 2 di sản vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp của UNESCO, 1 di sản vào mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu, 2 di sản tư liệu vào Chương trình ký ức nhân loại của UNESCO, 5 di sản thiên nhiên vào Danh sách vườn di sản ASEAN...

Các di sản văn hóa và thiên nhiên của Việt Nam được nhận danh hiệu của UNESCO không những là vinh dự lớn, đem lại niềm tự hào cho đất nước, mà còn góp phần khẳng định các giá trị to lớn của di sản văn hóa và thiên nhiên Việt Nam.

Có thể nói, chúng ta đã đạt được một số thành tựu trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên ở nước ta thời gian qua, không thể tách rời sự tham gia của các tổ chức quốc tế về văn hóa và di sản văn hóa tại Việt Nam. Chỉ xin đơn cử một ví dụ: Văn phòng UNESCO tại Hà Nội tuy mới được thành lập hơn 10 năm, nhưng sự có mặt của vị Trưởng Văn phòng đại diện UNESCO tại Hà Nội trong các cuộc hội nghị, hội thảo về di sản văn hóa và thiên nhiên, các buổi lễ trao bằng di sản văn hóa và thiên nhiên, di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại của Việt Nam cùng với những lời động viên khích lệ của họ từ hơn chục năm nay đã là những nguồn động viên có chất lượng đối với những người làm công tác bảo vệ di sản của nước ta. Những năm gần đây, Văn phòng đại diện UNESCO tại Hà Nội còn cố gắng hoạt động nhiều hơn thông qua việc

tổ chức các cuộc hội thảo, tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ quản lý các di sản thế giới của Việt Nam, xây dựng các đầu mối về di sản thế giới ở Việt Nam, là cơ sở cho việc trao đổi thông tin và kết nối các khu di sản thế giới xích lại gần nhau hơn.

Cùng với việc phê chuẩn các Công ước quốc tế về di sản, để hòa nhập trong dòng chảy chung của thế giới, Nhà nước và Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã cho xây dựng, điều chỉnh bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với những điều ước quốc tế mà ta đã phê chuẩn hoặc tham gia như: *Luật di sản văn hóa (2001)*, *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa (2009)*. Trong quá trình xây dựng *Luật di sản văn hóa*, Ban Soạn thảo đã chủ động hợp tác với các chuyên gia luật pháp của nước ngoài, tham khảo các bộ luật của các nước trên thế giới và khu vực, tham gia các cuộc hội thảo quốc tế để xây dựng hoàn thiện Luật. Nhờ có sự chủ động tích cực của Ban Soạn thảo, phù hợp đường lối, chủ trương của Đảng, Hiến pháp của nước nhà, *Luật di sản văn hóa* đã tương đối cập nhật với tình hình chung của thế giới về bảo vệ di sản văn hóa. *Luật di sản văn hóa* có một chương riêng điều chỉnh về di sản văn hóa phi vật thể. Có những quy định về di sản thế giới, về bảo tàng tư nhân và trao đổi, buôn bán cổ vật... Những điều chỉnh mới đó đã mở đường cho nhiều hoạt động về di sản văn hóa sau khi Luật được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua. Di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của đất nước được giới thiệu tới bạn bè quốc tế nhiều hơn.

Trong hoạt động hợp tác quốc tế, một trong những việc làm có hiệu quả thời gian qua là, chúng ta đã vận động được sự tài trợ của UNESCO, các tổ chức quốc tế chính phủ và phi chính phủ, hợp tác song phương và đa phương thông qua UNESCO hỗ trợ cho việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên của nước ta. Từ những thập niên tám mươi của thế kỷ trước, nước ta còn nghèo nàn. Sau chiến tranh, khó khăn chồng chất, chúng ta đã tranh thủ được sự tài trợ của UNESCO, chính phủ Nhật Bản trong việc bảo tồn di tích Huế, chính phủ Ba Lan hỗ trợ bảo tồn khu di tích Chăm (Mỹ Sơn). Những năm tiếp theo, các chính phủ Nhật, Ba Lan vẫn tiếp tục ủng hộ việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích, như Tổ chức hợp tác quốc tế Jaica (Nhật Bản) hỗ trợ xây

nhà bảo tàng tại khu di tích Chăm (Mỹ Sơn), chính phủ Ba Lan tài trợ tu bổ Thế miếu (Huế), Quỹ Toyota Foundation hỗ trợ tu bổ tháp chuông chùa Keo (Thái Bình). Quỹ American Express của Hoa Kỳ hỗ trợ bảo vệ các tấm bia ở Văn miếu - Quốc tử giám Hà Nội,... Từ những hoạt động mang tính cục bộ, trực tiếp, dần dần các hoạt động hợp tác quốc tế đã được nâng cấp lên một bước, thông qua các văn bản ký kết dài hạn giữa Cục Di sản văn hóa Việt Nam và Cục Tài sản văn hóa Nhật Bản, Hàn Quốc, Cục Văn vật Trung Quốc... Các văn bản ghi nhớ là cơ sở cho những hợp tác quốc tế về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể có chiều sâu hơn.

Kể từ sau khi Luật di sản văn hóa có hiệu lực, các bảo tàng Việt Nam đã được tạo điều kiện để mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều nước, tổ chức và bảo tàng trên thế giới. Một số cuộc triển lãm về di sản văn hóa Việt Nam đã được các bảo tàng phối hợp với bạn tổ chức ở các nước: Nga, Mỹ, Pháp, Bỉ, Singapore, Thụy Điển, Trung Quốc, Hàn Quốc, Lào, Nhật Bản, Campuchia,... Nhiều chuyên gia về bảo tàng của các nước thuộc châu Âu, châu Mỹ, châu Úc và châu Á đã đến Việt Nam giúp đào tạo cán bộ, trao đổi về kinh nghiệm và phương pháp trong việc xây dựng những bảo tàng mới: một số dự án quốc tế về bảo tàng đã được tài trợ bởi các quỹ của UNESCO, SIDA, Đại sứ quán Mỹ tại Việt Nam, Phái đoàn Wallonie - Bruxelles, Bỉ, nguồn vốn ODA và dự án của các tổ chức phi chính phủ khác.

Về hoạt động hợp tác quốc tế về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, ngoài các lĩnh vực truyền thống là di sản văn hóa và thiên nhiên, bảo tàng, hợp tác trong lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể ngày càng phát triển sau khi *Luật di sản văn hóa* được ban hành năm 2001 và triển khai mạnh sau thời điểm Nhà nước ta phê chuẩn Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại năm 2005. Các hợp tác về di sản văn hóa phi vật thể được thể hiện qua hình thức triển khai một số dự án như: Xây dựng hệ thống báu vật nhân văn sống (Living Human Treasures), phối hợp với Văn phòng UNESCO Hà Nội, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh. Thời gian thực hiện 2003 - 2005; "Hành trình văn hóa: làng nghề thủ công", phối hợp với Cộng đồng người Bỉ nói tiếng Pháp. Dự án triển khai từ 2004 - 2007; tham gia Chương trình "Mê Kông:

dòng sông kết nối các nền văn hóa", gồm nhiều nước thuộc khu vực sông Mê Kông tham gia trong thời gian 2004 - 2007; Thỏa thuận chung về trao đổi và hợp tác thuộc lĩnh vực bảo vệ di sản văn hóa giữa Việt Nam và Hàn Quốc (ký ngày 9/5/2006, tại Seoul, Hàn Quốc), được sự đồng ý của cơ quan cấp trên hai bên, Cục Di sản văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Tổng cục Di sản văn hóa Hàn Quốc đã ký Kế hoạch hành động giai đoạn 2008 - 2010...

Để đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên ở nước ta trong thời gian tới, chúng ta cần đề ra các giải pháp thích hợp với từng hoạt động hợp tác quốc tế mà chúng ta đã tham gia thời gian qua. Tương ứng với mỗi hoạt động có những giải pháp phù hợp để củng cố vị thế của nước ta trên trường quốc tế, tranh thủ nguồn lực quốc tế. Thời gian trước đây, nước ta là một nước nghèo sau chiến tranh, nay đã tiến lên nước có thu nhập trung bình, trước đây ta chưa có các danh hiệu thế giới, nay đã là một trong những nước dẫn đầu khu vực Đông Nam Á, vì vậy cần có các giải pháp phù hợp để nâng tầm ảnh hưởng của nước ta trong hợp tác quốc tế về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên.

Một trong những động thái nâng cao vị thế của nước ta, đồng thời đưa nước ta hòa nhập với nhịp đập của thời đại là việc phê chuẩn các Công ước quốc tế. Trong lĩnh vực di sản văn hóa và thiên nhiên, sau khi nước ta phê chuẩn các Công ước 1972 về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên, Công ước 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại, chúng ta đã có cơ sở pháp lý để đề cử di sản của nước ta nhận các danh hiệu quốc tế. Các di sản này sau khi được ghi vào Danh mục di sản thế giới đã được UNESCO bảo hộ dưới nhiều hình thức. Thử hỏi nếu Nhà nước ta không phê chuẩn Công ước 1982 của Liên hiệp quốc về Luật biển, thì làm sao chúng ta có cơ sở quốc tế để tranh luận và bảo vệ chủ quyền quốc gia ở biển Đông? Chính vì thế, chúng ta cần tổ chức nghiên cứu tiếp tục các Công ước quốc tế về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên để đề xuất Nhà nước tiếp tục phê chuẩn như: Công ước về bảo vệ di sản văn hóa dưới nước. Công ước bảo vệ tài sản văn hóa trong trường hợp xung đột vũ trang... Để thực hiện giải pháp này được tốt, chúng ta cần tổ chức nghiên cứu đánh giá tác động của việc phê chuẩn

các Công ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết và tham gia. Sắp xếp thứ tự ưu tiên phê chuẩn các Công ước phù hợp với yêu cầu thực tế và nguồn lực của đất nước tham gia Công ước sau khi phê chuẩn. Chủ động đóng góp vào các bản dự thảo Công ước như trước đây chúng ta đã tích cực tổ chức các cuộc trao đổi góp ý cho dự thảo Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại, Công ước về sự đa dạng của biểu đạt văn hóa, Công ước về bảo vệ di sản văn hóa dưới nước..., để nội dung của các Công ước sau khi có hiệu lực tương thích hơn với hoàn cảnh nước ta.

Để nâng cao vị thế của đất nước, tranh thủ sự ủng hộ của các tổ chức quốc tế, nắm bắt được những sự chuyển biến của tình hình thế giới về di sản văn hóa và thiên nhiên, bên cạnh việc phê chuẩn các văn bản quốc tế là việc chúng ta phải đầu tư nhân lực và tài chính để tham gia các tổ chức quốc tế. Hiện nay, Việt Nam tham gia các tổ chức quốc tế về di sản văn hóa còn ít, chúng ta chưa có tổ chức ICCROM, ICOMOS quốc gia, chưa tham gia vào Ủy ban Di sản thế giới, Hội đồng Tư vấn của ICCOM. Ta cũng chưa có nhiều cán bộ chuyên gia ứng cử vào các chức vụ quan trọng của các cơ quan này, như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản ở Đông Á, Thái Lan, Căm Pu Chia... Để thực hiện tốt giải pháp này, chúng ta cần tích cực đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên gia đủ năng lực chuyên môn và ngoại ngữ, có kinh nghiệm trong hoạt động quốc tế để thành lập các tổ chức quốc tế của Việt Nam và ứng cử vào các chức danh của các cơ quan quốc tế về di sản văn hóa (có những chức danh như vị trí Tổng Giám đốc ICCROM đòi hỏi ít nhất 3 ngoại ngữ: Anh, Pháp, Ý). Cần dành những khoản ngân sách thích hợp để từng bước tham gia vào các tổ chức quốc tế theo đà tăng trưởng của kinh tế đất nước.

Trong khi còn chưa đủ điều kiện để phê chuẩn đầy đủ các Công ước quốc tế về di sản văn hóa và thiên nhiên, chưa đảm nhiệm các vị trí chủ chốt trong các cơ quan quốc tế về di sản văn hóa và thiên nhiên, chúng ta cần đẩy mạnh các hoạt động quốc tế. Tham gia đầy đủ các phiên họp Ủy ban Liên chính phủ của các Công ước, các hội nghị, hội thảo quốc tế về di sản văn hóa và thiên nhiên. Cử cán bộ tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về di sản. Đăng cai tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam. Thông qua các diễn đàn này, chúng ta nâng

cao trình độ chuyên môn của cán bộ, chuyên gia trong ngành, đồng thời giới thiệu cho đồng nghiệp quốc tế về bức tranh hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên của nước ta. Muốn thực hiện tốt giải pháp này, cần chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ, chuyên gia nắm vững các hoạt động chuyên môn của ngành ở trong nước và đồng nghiệp trên thế giới, để có thể giới thiệu được những hoạt động chuyên ngành mà Việt Nam đang làm và tiếp thu được các kiến thức của bạn bè trên thế giới, vận dụng vào thực tiễn đất nước.

Việt Nam có di sản thiên nhiên phong phú, đa dạng, với 54 dân tộc sinh sống, sáng tạo ra nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể suốt từ thời kỳ tiền sử đến nay. Do vậy, ngoài 5 di sản văn hóa và 2 di sản thiên nhiên được ghi vào Danh mục di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới; 5 di sản văn hóa phi vật thể được ghi vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, 2 di sản được ghi vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp chưa phải là nhiều (nếu chúng ta biết rằng, Trung Quốc và Ý mỗi nước đã có 44 di sản được ghi vào Danh mục di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, Tây Ban Nha con số này là 42 và họ vẫn đang tiếp tục lập hồ sơ đề cử). Nước ta còn nhiều di sản tiêu biểu chưa được phát hiện, nghiên cứu lập hồ sơ đề cử vào các danh hiệu thế giới. Việc có nhiều di sản được mang danh hiệu di sản thế giới vừa nâng cao vị thế của đất nước, vừa phản ánh được những nét văn hóa độc đáo tiêu biểu của Việt Nam trong suốt trường kỳ lịch sử dựng nước và giữ nước, đồng thời là hình thức quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam với thế giới, góp phần phát triển du lịch, tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân. Thực hiện giải pháp này, chúng ta cần nắm vững nội dung các Công ước, các Hướng dẫn thực hiện Công ước, các tiêu chí và điều kiện để trở thành di sản thế giới. Tiến hành nghiên cứu lựa chọn các di sản tiêu biểu đáp ứng các tiêu chí di sản thế giới và hội đủ điều kiện di sản thế giới của từng Công ước. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Ngoại giao với các Bộ liên quan đến di sản được đề cử và địa phương có di sản đề cử. Tổ chức việc biên soạn hồ sơ đề cử và có kế hoạch vận động cho hồ sơ đề cử phù hợp với Hướng dẫn thực hiện các Công ước UNESCO như chúng ta đã thực hiện khá tốt trong thời gian

gần đây đối với các hồ sơ khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long, thành nhà Hồ, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương...

Một trong những điều cần lưu ý đối với việc đề cử hồ sơ di sản thế giới ở nước ta là: chúng ta phải nghiêm túc tổ chức thực hiện các cam kết của chính quyền sau khi di sản văn hóa và thiên nhiên được ghi vào Danh mục di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới. Thực hiện đầy đủ chương trình hành động để bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể sau khi được ghi vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp. Tránh tình trạng trong khi đề cử thì cam kết, nhưng sau khi được ghi vào các danh mục di sản thế giới lại lẩn tránh, hoặc không thực hiện. Một vấn đề nữa liên quan đến hiệu quả của giải pháp này là việc thực hiện các Quyết nghị của Ủy ban Di sản thế giới về tình trạng bảo tồn di sản sau khi di sản được các danh hiệu. Việc triển khai thực hiện các Quyết nghị của Ủy ban Di sản thế giới về tình trạng bảo tồn các di sản thế giới: quần thể di tích kiến trúc Huế, vịnh Hạ Long, vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng ở nước ta quá chậm. Điều này sẽ gây trở ngại cho các đề cử tiếp theo.

Việc hợp tác trước đây đã có những hiệu quả tích cực trong việc đào tạo nâng cao năng lực nhận thức của các cán bộ chuyên gia của ngành. Các tổ chức quốc tế tại Việt Nam là kênh trực tiếp, đầu tiên có ảnh hưởng đến di sản văn hóa và thiên nhiên ở nước ta. Qua các tổ chức này, thông tin về tình hình bảo tồn và phát huy di sản văn hóa ở nước ta được đưa ra thế giới nhanh nhất, được tin cậy nhất. Thông tin của họ có sức nặng hơn nhiều lần những lời giải thích, tuyên truyền của chúng ta. Kinh nghiệm những lần vận động cho các ứng cử di sản thế giới - khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long, thành nhà Hồ..., đã cho thấy rõ tác động tích cực của giải pháp này. Thông qua Cơ quan đại diện UNESCO tại Hà Nội, Đại sứ quán của những nước có chân trong các Ủy ban Liên chính phủ, những tín hiệu về sự ủng hộ đối với các đề cử của chúng ta được truyền đến các thành viên của họ tham gia các cuộc họp mang tính quyết định thông qua ý kiến đồng thuận trong các lần phát biểu, biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín. Giải pháp này có thể tiếp tục thành công, ngoài chính sách về ngoại giao chung của Đảng, Nhà nước, chúng ta cần phải có sự nghiên cứu năng lực của

các tổ chức quốc tế, thái độ chính trị của họ đối với nước ta để có sự quan hệ phù hợp, nhằm tranh thủ đúng đối tượng, vận động đúng thời điểm, đem lại lợi ích thiết thực và lâu dài cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản của đất nước.

Việc xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên vừa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của Việt Nam, vừa phù hợp với Công ước quốc tế đã tạo điều kiện cho sự giao lưu quốc tế trong lĩnh vực chuyên ngành phát triển. Hợp tác của ngành Di sản Việt Nam với bạn bè quốc tế vì thế ngày càng cởi mở hơn. Di sản của Việt Nam được giới thiệu ra thế giới nhiều hơn, có chọn lọc phù hợp với yêu cầu của cả hai phía. Bạn bè trên thế giới không chỉ còn biết đến Việt Nam như một đất nước bị chiến tranh tàn phá, họ đã thấy được kho tàng di sản văn hóa của nước ta rất phong phú, đa dạng, cần quan tâm. Quan niệm về bảo tồn di sản văn hóa của chúng ta đã thay đổi, rộng mở với bè bạn năm châu. Các văn bản quy phạm pháp luật của chúng ta phù hợp với các quy chuẩn quốc tế còn là cơ sở pháp lý để chúng ta có thể bảo vệ di sản văn hóa của mình một khi các di sản đó bị vi phạm trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã phê chuẩn và tham gia. Để thực hiện tốt giải pháp này chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu hệ thống văn bản quốc tế về di sản văn hóa và thiên nhiên. Đánh giá lại hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của nước ta về di sản văn hóa, từ đó có những điều chỉnh thích hợp.

Phát huy các hoạt động giao lưu quốc tế đã đạt được, trong thời gian tới chúng ta cần tăng cường hơn nữa các hoạt động giao lưu quốc tế về di sản văn hóa, cả về di sản văn hóa và thiên nhiên, vật thể và phi vật thể. Song song với việc

giới thiệu di sản Việt Nam ra nước ngoài, cần chủ động mời các nước đưa di sản của họ đến trưng bày, giới thiệu ở nước ta trong những thời gian thích hợp và khi điều kiện kinh phí cho phép. Tăng cường tranh thủ các nguồn lực quốc tế để bảo tồn và phát huy giá trị di sản bằng nhiều hình thức, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu nghiên cứu, giúp đỡ Việt Nam tham gia vào các hoạt động. Đây là một kênh quan trọng để giới thiệu di sản văn hóa và thiên nhiên Việt Nam ra nước ngoài, tạo điều kiện để phát triển du lịch (số lượng ngày càng tăng). Muốn giải pháp này có hiệu quả, cần tăng cường xã hội hóa, có chính sách phù hợp để khuyến khích các tổ chức phi chính phủ, cộng đồng tham gia bảo tồn di sản. Thông qua UNESCO tăng cường kêu gọi các nguồn tài trợ đa phương, song phương, chuẩn bị sẵn các kế hoạch, dự án thông báo cho các tổ chức quốc tế và sẵn sàng cung cấp cho các đối tác khi họ yêu cầu. Chúng ta cũng cần có một nguồn ngân sách phù hợp để có thể chủ động thực hiện các sáng kiến của mình.

Tóm lại, để đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong thời gian tới, ngoài những giải pháp mang tính phổ biến cho tất cả các hoạt động, như: có cơ chế phù hợp, hoàn thiện bộ máy, nâng cao chất lượng và số lượng nguồn nhân lực, bổ sung đầy đủ phương tiện làm việc, tăng đầu tư kinh phí cho các hoạt động. Chúng ta cần tập trung triển khai các giải pháp cụ thể nêu trên để hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở nước ta ngày một tốt hơn, hiệu quả hơn./.

N.Q.H

Nguyễn Quốc Hùng: Some Solutions to Strengthen the International Cooperation on the Preservation and Promotion of Cultural Heritage in the Near Future

For many years, cultural heritage sector has been integrating deeply in international cooperation. Vietnam had ratified some conventions of UNESCO on international heritage both intangible and tangible ones. We have also got some achievements in nominating some heritage elements into international list of heritage. At the moment, Vietnam has 7 cultural and natural heritage elements endorsed into the list of international cultural and natural heritage, 5 elements in the representative list of intangible heritage, 2 elements in the urgent list of intangible heritage according to the conventions 1972 and 2003 of UNESCO. The paper evaluates the international cooperation of the cultural heritage sector recently and proposes some specific solutions to strengthen the effectiveness of the international cooperation in the near future, to promote the role and position of the activities of preservation and promotion of cultural heritage in the world arena.